

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: *137* /UBDT-CSDT

V/v giải trình, làm rõ nội dung thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia phát
triển KT-XH vùng đồng bào
DTTS&MN giai đoạn 2021-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

Kính gửi: Các vụ, đơn vị: Kế hoạch-Tài chính, Dân tộc thiểu số,
Chính sách Dân tộc, Địa phương I,
Tuyên truyền, Hợp tác quốc tế,
Văn phòng Điều phối Chương trình 135,
Trung tâm Thông tin, Học viện Dân tộc.

Căn cứ văn bản số 402/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 25/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v bổ sung, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là Chương trình), yêu cầu các vụ, đơn vị chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình nghiên cứu tiếp thu, giải trình, làm rõ ý kiến của thành viên Hội đồng, các cơ quan liên quan (*theo nội dung gửi kèm*). Trong đó, đề nghị tập trung làm rõ:

- Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư;
- Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án.
- Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình.
- Rà soát, cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho phù hợp với nội dung đề xuất, trong đó, các mục tiêu, chỉ tiêu phải được lượng hoá.

Đề nghị các vụ, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện và gửi văn bản về Vụ Chính sách Dân tộc **trước ngày 25 tháng 02 năm 2021** để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định (gửi file mềm theo địa chỉ vuchinhhsachdantoc@cema.gov.vn). Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được văn bản báo cáo, Thủ trưởng các vụ, đơn vị chịu trách nhiệm về tính khả thi của những đề xuất dự án, tiểu dự án, nội dung liên quan. /.

Nơi nhận

- Như trên;
- Các TT, PCN UBDT;
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, CSDT;

2

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Đỗ Văn Chiến

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: *137* /UBDT-CSDT ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Chính sách Dân tộc

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	Dự thảo Quyết định: a) Tên gọi của Quyết định: Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa tên gọi của dự thảo để đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Đầu tư công năm 2019: “ <i>Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình gửi Hội đồng thẩm định nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định</i> ”. b) Về đối tượng, phạm vi thực hiện của Chương trình: - Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo: Đề nghị trích dẫn đối tượng, phạm vi thực hiện của chương trình theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14, nhằm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 120/2020/QH14: “ <i>Giao Chính phủ chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14...</i> ”, cụ thể: + Chỉnh sửa đối tượng: “ <i>Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i> ” thành “ <i>Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn</i> ”	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			

<p>+ Bỏ đối tượng: “Nhóm hộ và cộng đồng trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”, do đối tượng này không được quy định tại Nghị quyết 88/2019/QH14.</p> <p>+ Chính sửa phạm vi thực hiện Chương trình: “Chương trình thực hiện ở địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi cả nước dành cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình” thành “Chương trình thực hiện ở địa bàn <u>các xã, thôn</u> vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên phạm vi cả nước dành cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình”.</p> <p>Về tổng kinh phí thực hiện Chương trình:</p> <p>- Tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 120/2020/QH14, tổng vốn thực hiện Chương trình tối thiểu là 137.664 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 104.954 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng, vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng, vốn huy động khác: 2.967 tỷ đồng.</p> <p>Do đó, đề nghị Ủy ban Dân tộc điều chỉnh tổng kinh phí thực hiện Chương trình tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Quyết định theo đúng tổng nguồn vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 (Tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025: 137.664 tỷ đồng, trong đó: (i) Ngân sách Trung ương: 104.954 tỷ đồng, (ii) ngân sách địa phương: 10.016 tỷ đồng, (iii) vốn tín dụng chính sách: 19.727 tỷ đồng, (iv) vốn huy động khác: 2.967 tỷ đồng).</p> <p>- Về nguồn vốn tín dụng chính sách tại NHCSXH thực hiện các Dự án¹: Tại Nghị quyết 120/2020/QH14 và dự thảo Quyết định mặc dù không ghi rõ nguồn vốn thực hiện Chương trình, tuy nhiên, do Nghị quyết 120/2020/Qh14 và dự thảo Quyết định đã tách bạch nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương nên NHNN hiểu đây là nguồn vốn NHCSXH huy động để cho vay. Tuy nhiên, theo đánh giá của NHCSXH, trường hợp vốn tín dụng chính sách (19.727 tỷ đồng) tại Nghị quyết 120/2020/QH14 được hiểu là vốn do NHCSXH tự huy động,</p>				
--	--	--	--	--

¹ - Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: vốn tín dụng chính sách 31.984,76 tỷ đồng trong tổng kinh phí thực hiện dự án là 40.884,41 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất chuỗi giá trị (Nội dung 1 Tiêu dự án 2, Dự án 3): vốn tín dụng chính sách: 8.221,5 tỷ đồng trong tổng kinh phí thực hiện 12.332,25 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đầu tư vùng trồng dược liệu quý ((Nội dung 2 Tiêu dự án 2, Dự án 3): vốn tín dụng chính sách: 2.113 tỷ đồng trong tổng kinh phí thực hiện 5.054 tỷ đồng.

- Dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: vốn tín dụng chính sách: 79,8 tỷ đồng trong tổng kinh phí thực hiện 5.853,09 tỷ đồng.

	<p>thì nguồn vốn này đã vượt quá khả năng huy động bình quân hàng năm của NHCSXH (15.693 tỷ đồng). Do đó, để đảm bảo khả thi trong triển khai thực hiện Chương trình, NHCSXH đề nghị quy định cụ thể nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để thực hiện là nguồn ngân sách Nhà nước cấp 100% trong kế hoạch đầu tư công trung, dài hạn.</p> <p>Trên cơ sở đó, NHNN đề nghị Ủy ban Dân tộc rà soát, tính toán lại số liệu vốn tín dụng chính sách phù hợp khả năng huy động của NHCSXH, đảm bảo an toàn trong hoạt động và tính khả thi, hiệu quả trong triển khai thực hiện Chương trình. Để thực hiện đúng phê duyệt của Quốc hội tại Nghị quyết 120/2020/QH14, NHNN đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để NHCSXH thực hiện Chương trình.</p>				
5.	+ Nội dung 3 Dự án 4: Đề nghị bỏ đối tượng: cán bộ xã và thôn, cán bộ khuyến nông, thú y cấp xã và thôn, ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu do đối tượng này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Chương trình.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
6.	Về tổ chức thực hiện: - Đề nghị bổ sung trách nhiệm của NHNN quản lý chính sách tín dụng tại các dự án 1, dự án 3, dự án 6 để phù hợp với quy định tại Nghị quyết 12/NQ-CP của Chính phủ.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
7.	- Đề nghị bổ sung: Tại chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 (trang 38 của dự thảo báo cáo nghiên cứu khả thi, trang 7 của Tờ trình, trang 3 của Quyết định): “Tổ chức 320 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 200 dự án sưu tầm, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một...” đề nghị sửa, bổ sung thành “Hỗ trợ 200 dự án sưu tầm, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; Ưu tiên khôi phục, bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số có dân số ít người; bảo tồn 120 lễ hội, 80 làng, bản, buôn truyền thống phục vụ phát triển du lịch; xây dựng 240 mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, 800 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư xây dựng 3.590 thiết chế văn hóa, thể thao thôn; hỗ trợ đầu tư xây dựng 80 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			

8.	<p>- Đề nghị cập nhật Dự án 7 theo đề xuất của Bộ Y tế (văn bản 6180/BYT-KHTC ngày 11/11/2020) ở các phần: phạm vi, chỉ tiêu, nội dung hoạt động, kinh phí. Trong đó, đề nghị điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho hợp phần 3 Dự án 7 là 851 tỷ đồng, trong đó bổ sung 125 tỷ đồng cho hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 178,188 tỷ đồng để thực hiện các gói can thiệp về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em theo nội dung biên bản thỏa thuận với Hội LHPN Việt Nam.</p>	Bộ Y tế			
9.	<p>- Đối với dự án 8: Đề nghị cập nhật, chỉnh sửa “Địa bàn can thiệp, nội dung các gói can thiệp về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em” theo như biên bản thỏa thuận giữa Bộ Y tế và Hội LHPN Việt Nam.</p>	Bộ Y tế			
10.	<p>Đề nghị bổ sung các nội dung theo đề xuất của Bộ Quốc phòng (công văn 3133/BQP-Kte ngày 24/8/2020):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp phần Dự án 2: + Nội dung: Quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư khu vực biên giới gắn với an ninh quốc phòng, kinh phí: 483 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển). - Hợp phần Dự án 4: + Nội dung: Xây dựng các công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển sản xuất gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kinh phí: 885,5 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển). - Hợp phần Dự án 7: + Nội dung: Nâng cấp, xây mới, sửa chữa các Bệnh xã quân dân y, Trạm y tế quân dân y vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới, vị trí chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh phí: 72 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển). - Hợp phần Dự án 10: + Nội dung: Tuyên truyền, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN, biên giới chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kinh phí: 18 tỷ đồng. (vốn sự nghiệp). 	Bộ Quốc phòng			
11.	<p>- Dự án 10, đề nghị điều chỉnh nội dung quản lý, kiểm tra, giám sát Chương trình từ 1,65 tỷ đồng (trung bình 330 triệu đồng/năm) lên 5 tỷ đồng (01 tỷ đồng/năm), lý do: phạm vi hoạt động của dự án tập trung ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn rộng lớn.</p>	Bộ Quốc phòng			
12.	<p>- Tại Tờ trình: Đề nghị xem xét điều chỉnh cho hợp lý số liệu về tỷ lệ thôn, bản có đường giao thông được cứng hóa: tại mục I điểm 1 Thực</p>	Bộ GTVT			

	trạng kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi (trang 3) "...hơn 88,8 % thôn, bản có đường giao thông được cứng hóa đi đến trung tâm xã...", tại mục II Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 (trang 5) "70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa".				
13.	- Về cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện Chương trình: đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia.	Bộ GTVT			
14.	Đề nghị rà soát phạm vi, đối tượng Chương trình nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp với phạm vi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.	Bộ Tư pháp			
15.	Cần nhắc việc thành lập Văn phòng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc có giải trình rõ hơn tại báo cáo.	Bộ Tư pháp			
16.	- Về tổng mức vốn và phương án huy động các nguồn vốn: Đề nghị UBNDT bổ sung và làm rõ nguyên nhân, lý do của việc tổng vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 tăng gần 20.000 tỷ đồng so với mức dự kiến tại Nghị quyết 120/2020/QH14.	Bộ Ngoại giao			
17.	- Đề nghị sửa lại tên của Tiểu dự án 1 như sau: "Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số", lý do : + Đảm bảo đúng tên theo Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội. + Đảm bảo đúng với thiết kế cho mục tiêu, đối tượng, phạm vi thụ hưởng và các hoạt động của Tiểu Dự án 1 đã được phê duyệt.	Bộ Giáo dục và Đào tạo			
18.	- Đề nghị chỉnh sửa thông nhất giai đoạn thực hiện là "2021-2025". - Về mục tiêu: đề nghị bám sát mục tiêu thực hiện Chương trình đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19/6/2020 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. - Về mục tiêu cụ thể và nội dung thực hiện Chương trình đề nghị bổ sung nội dung giải quyết việc làm cho người lao động theo đúng nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của	Bộ LĐTBXH			

	Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030			
19.	<p>Nội dung tiêu dự án 3, Dự án 5: Đề nghị bổ sung</p> <p>a). Mục tiêu cụ thể đến 2025, sửa thành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số để góp phần đạt mục tiêu 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề. - Phân đầu đào tạo, đào tạo lại, đặt hàng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức vừa làm vừa học theo yêu cầu của thị trường lao động, doanh nghiệp cho khoảng 03 triệu người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho hơn 04 triệu hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. - Có từ 80% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề. - Tăng số lượng, nâng cao chất lượng cho người lao động thuộc các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương. Hỗ trợ đào tạo, làm các thủ tục xuất cảnh, nâng cao năng lực và tư vấn cho khoảng 6.000 lao động, trong đó có khoảng 5.000 lao động xuất cảnh (chiếm 83% số lượng được hỗ trợ) đi làm việc ở nước ngoài; 2.000 lượt lao động được vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; Hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng; Cập nhật thông tin về lao động là người dân tộc thiểu số phục vụ xây dựng, hoạch định chính sách đảm bảo phù hợp, khả thi. 	Bộ LĐTBXH		
20.	<p>Các nội dung, hoạt động chủ yếu, đề nghị bổ sung 03 hoạt động như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động 03: hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng <p>+ Mục tiêu:</p> <p>Tăng số lượng, nâng cao chất lượng cho người lao động thuộc các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia đi làm</p>	Bộ LĐTBXH		

<p>việc có thời hạn ở nước ngoài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương.</p> <p>+ Đối tượng:</p> <p>Người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng.</p> <p>Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>+ Nội dung hỗ trợ:</p> <p>(i) Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;</p> <p>(ii) Vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài;</p> <p>(iii) Hỗ trợ tuyên truyền, giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động và thân nhân.</p> <p>(iv) Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở;</p> <p>+ Cơ chế hỗ trợ người lao động:</p> <p>(i) Thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở, trang cấp ban đầu, đi lại và các thủ tục xuất cảnh cho người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ thông qua cơ chế đặt hàng với các cơ sở dạy nghề, ngoại ngữ hoặc doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>(ii) Thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở, trang cấp ban đầu, đi lại và các thủ tục xuất cảnh trực tiếp cho người lao động khi người lao động đã có đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>(iii) Người lao động có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài</p>				
--	--	--	--	--

<p>theo hợp đồng được vay tối đa bằng 100% giá trị hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất cho vay đối với người nghèo theo quy định hiện hành.”</p> <p>- Hoạt động 04. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số</p> <p>+ Mục tiêu: Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm.</p> <p>+ Đối tượng:</p> <p>(i) Lao động là người dân tộc thiểu số có nhu cầu tìm kiếm thông tin việc làm, nghề nghiệp; ưu tiên lao động thanh niên dân tộc thiểu số. (ii) Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm.</p> <p>+ Nội dung hỗ trợ:</p> <p>(i) Tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng điện thoại, mạng xã hội... để cung cấp thông tin việc làm, nghề nghiệp cho lao động tại các địa bàn thực hiện Chương trình;</p> <p>(ii) Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động là người dân tộc thiểu số làm việc tại khu vực biên giới theo các Thỏa thuận/chương trình hợp tác;</p> <p>(iii) Hỗ trợ kết nối việc làm cho lao động;</p> <p>(iv) Hỗ trợ tổ chức các hoạt động kết nối việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm: hỗ trợ chi phí dịch vụ cho các trung tâm, cơ sở trong việc giới thiệu, tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động; tổ chức các hội chợ việc làm, sàn/phiên giao dịch việc làm vệ tinh, lưu động, các hình thức quảng bá thông tin việc làm tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>+ Cơ chế hỗ trợ:</p> <p>(i) Thực hiện hỗ trợ thông qua hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu, tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động (dựa trên số lao động đã tìm được việc làm) theo cơ chế đặt hàng. (ii) Hỗ trợ trực tiếp chi phí đi lại, ăn ở cho người lao động tìm được việc làm tại các hoạt động hội chợ việc làm, sàn/phiên giao dịch việc làm vệ tinh lưu động, các chương trình thi tuyển, phỏng vấn việc làm.</p>				
---	--	--	--	--

	<p>- Hoạt động 05: Tuyên truyền tư vấn khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho người lao động. Giám sát đánh giá.</p>				
21.	<p>1. Đối với Tờ trình</p> <p>a) Đề nghị quy định cụ thể về vốn tín dụng chính sách do ngân sách trung ương cấp, cụ thể :</p> <p>+ Dự án 1 : vốn tín dụng chính sách do ngân sách trung ương cấp là 31.984,76 tỷ đồng.</p> <p>+ Dự án 3 : vốn tín dụng chính sách do ngân sách trung ương cấp là 10.334,5 tỷ đồng.</p> <p>+ Dự án 6 : vốn tín dụng chính sách do ngân sách trung ương cấp là 79,8 tỷ đồng.</p> <p>Trên cơ sở đó, tại mục IV. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình, khả năng cân đối và huy động nguồn vốn đầu tư công, trong bảng nguồn vốn, đề nghị quy định, vốn tín dụng chính sách do ngân sách trung ương cấp: 42.399,06 tỷ đồng.</p> <p>b) Tại tiết 3.2.1 khoản 1 Mục I (Nội dung 1: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị), nội dung “Định mức vốn vay từ ngân hàng Chính sách Xã hội: không quá 900 triệu đồng/xã Khu vực III/năm; không quá 150 triệu đồng/thôn đặc biệt khó khăn/năm, thời hạn vay không quá 36 tháng, lãi suất bằng 50% lãi suất tín dụng chính sách cho người nghèo từng thời kỳ”. NHCSXH đề nghị không quy định định mức đầu tư tín dụng trên 1 xã, 1 thôn. Với mục tiêu thuộc dự án này là có ít nhất 1 xã 1 dự án, ít nhất 1 thôn 1 dự án thì trên thực tế 1 xã, 1 thôn sẽ có thể có nhiều hơn 1 dự án nếu thực sự khả thi. Việc quy định định mức như trên sẽ dẫn đến nhiều hạn chế trong đầu tư vào những dự án có hiệu quả, cần nguồn vốn lớn. Do đó, NHCSXH đề nghị nghiên cứu sửa đổi như sau :</p> <p>“+ Định mức vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội :</p> <p>Đối với hộ nghèo, mức cho vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ (hiện nay là 100 triệu đồng/01 hộ gia đình), với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo từng thời kỳ, thời hạn vay không quá 36 tháng.</p> <p>Đối với hộ cận nghèo, mức cho vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ cận nghèo theo quy định tại Quyết định 15/2013/QĐ-</p>	<p>Ngân hàng chính sách xã hội</p>			

	<p>TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ (hiện nay là 100 triệu đồng/01 hộ gia đình), với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ cận nghèo từng thời kỳ, thời hạn vay không quá 36 tháng.</p> <p>Đối với một số hộ không thuộc hộ nghèo ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng DTTS&MN, mức cho vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ (hiện nay là 100 triệu đồng/01 hộ gia đình), với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ mới thoát nghèo từng thời kỳ, thời hạn vay không quá 36 tháng.</p> <p>Đối với các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị, mức cho vay tối đa không vượt quá mức cho vay tối đa đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh...và lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP. Thời hạn vay không quá 36 tháng.”</p>				
22.	<p>Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm b khoản 2 mục III (trang 143) về nội dung “vốn vay tín dụng ưu đãi”, đề nghị nghiên cứu, bổ sung cụm từ “.....nguồn tín dụng chính sách <u>được ngân sách trung ương cấp</u>.....” - Phần phụ lục : Tại khoản 3 mục II Phụ lục I (trang 3) về nội dung “Phương pháp xác định định mức, đơn giá”, tại biểu tổng hợp, cột “Ghi chú” của Dự án 3 và Dự án 6 có vốn tín dụng chính sách, đề nghị bổ sung các nội dung quy định về <u>đối tượng, mục đích, mức vay</u> tại NHCSXH như Dự án 1 để có sự thống nhất trong thực hiện Chương trình. 	<p>Ngân hàng chính sách xã hội</p>			
23.	<p>Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 8 Điều 1 : Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đảm bảo phù hợp theo quy định tại Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội và Nghị quyết 12/NQ-CP của Chính phủ. 	<p>Ngân hàng chính sách xã hội</p>			

24.	<p>1. Đối với dự thảo Quyết định</p> <p>- Điểm 2 Điều 1 :</p> <p>+ Tại mục b) “Mục tiêu cụ thể đến năm 2025” (trang 2), đề nghị bổ sung thêm 01 mục tiêu cụ thể : “<i>Tổ chức sản xuất theo mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, thu hút tối thiểu 60% số hộ dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia hợp tác xã</i>”.</p> <p>+ Tại mục c) “Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025” (trang 3), đề nghị bổ sung vào gạch đầu dòng thứ nhất của mục này cụm từ “<i>hỗ trợ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp</i>”, tạo mô hình sinh kế, ổn định đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số...</p> <p>- Điểm 6 Điều 1 (Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân, Dự án 3): Đề nghị bổ sung đề án “Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.</p>	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam			
25.	<p>1. Báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <p>- Đề nghị bổ sung mục tiêu của Dự án 8 (trang 101) vào trong hệ thống mục tiêu của chương trình (vào mục 1.1 hoặc mục 1.2).</p> <p>- Mục II.3.2.1-Tiểu Dự án 2 trong Dự án 3 (trang 51) : bổ sung “phụ nữ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ” vào đối tượng của Tiểu Dự án 2.</p> <p>- Mục II.10.3-Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 10, phần mục tiêu (trang 141) : Đề nghị thực hiện đúng nguyên tắc giám sát và phản biện xã hội thông qua dân chủ trực tiếp là sự tham gia của người dân, trong đó có phụ nữ và dân chủ đại diện là vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đã được quy định trong Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới và Quyết định 217-QĐ/TW, Quyết định 218-QĐ/TW.</p>	Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam			
26.	<p>Về cơ chế :</p> <p>- Đề nghị ban hành cơ chế đặc thù trong quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình nói chung.</p> <p>- Có cơ chế huy động hỗ trợ kỹ thuật một cách linh hoạt theo hướng :</p> <p>+ Phân cấp cho địa phương tự quy định các mức chi khác cho hỗ trợ kỹ thuật : Phân cấp cho UBND tỉnh ban hành các nội dung chi, mức chi khác về hỗ trợ kỹ thuật (như đã quy định trong Thông tư 30/VBHN-BTC cho Chương trình MTQG XD NTM).</p> <p>+ Trung ương giao cho UBND tỉnh ban hành các nội dung chi và mức chi khác về hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, nâng cao năng lực,</p>	Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam			

	<p>truyền thông...phù hợp với từng địa bàn, từng loại dự án/mô hình đặc thù tại địa phương mà TW chưa có quy định.</p> <p>+ Tuỳ theo điều kiện đặc thù của từng địa phương, UBND tỉnh có thể cân nhắc phân cấp cho cấp huyện quyết định một số nội dung chi, mức chi cụ thể trong hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, nâng cao năng lực, truyền thông....</p>				
27.	<p>1. Về mục tiêu, phạm vi, đối tượng thụ hưởng của Chương trình</p> <p>a) Về mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các mục tiêu của Chương trình, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, chỉ tiêu Quốc hội đã giao tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình (Nghị quyết số 120/2020/QH14) và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 88/2019/QH14). Các mục tiêu cần gắn với từng nội dung, kết quả và các biện pháp thực hiện cụ thể của Chương trình. - Làm rõ sự nhất quán giữa các mục tiêu, chỉ tiêu nêu tại Báo cáo NCKT Chương trình so với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình đã trình Quốc hội (Báo cáo số 249/BC-CP ngày 21/5/2020 của Chính phủ). - Về chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 : đề nghị rà soát, bỏ một số chỉ tiêu mang tính định tính, không đo lường được như cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, tạo sinh kế giải quyết những vấn đề bức thiết của nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù ; hỗ trợ tạo mô hình sinh kế, ổn định đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số ; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hàng năm trên 3%... - Về mục tiêu đến năm 2030 : đề nghị sửa thành định hướng mục tiêu đến năm 2030 và bổ sung thêm mục tiêu : cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030 để phù hợp với Nghị quyết 88/2019/QH14. <p>Về phạm vi, đối tượng thụ hưởng của Chương trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ phạm vi "<i>vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>" như tên gọi Chương trình đã được Quốc hội phê duyệt và dẫn chiếu các quy định liên quan tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			

	<p>tướng Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển để triển khai, áp dụng. Theo đó, xác định, làm rõ danh mục các xã, thôn, bản cụ thể thuộc phạm vi, đối tượng của Chương trình để triển khai thực hiện, không quy định chung như tại Báo cáo NCKT hiện nay².</p> <p>- Rà soát, phân định rõ phạm vi, đối tượng thụ hưởng của Chương trình với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 hiện đang hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm tránh trùng lặp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư.</p> <p>Về đối tượng của Chương trình</p> <p>Đề nghị rà soát lại đối tượng của Chương trình tại các dự án thành phần, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết 88/2019/QH14 (ví dụ, tại Tiêu dự án 1 của Dự án 2 có nếu đối tượng áp dụng là hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn, hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống; tại Tiêu dự án 2 của Dự án 3 có đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp triển khai dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý hoặc trung tâm giống có cam kết sử dụng tối thiểu 70% lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ và có đăng ký hoạt động, nộp thuế ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).</p> <p>Tuy nhiên, tại Nghị quyết 88/2019/QH14 quy định đối tượng là: Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.</p>				
28.	<p>Về nguồn lực thực hiện Chương trình</p> <p>- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Theo Báo cáo NCKT, nguồn vốn của Chương trình đã được phân bổ cho từng nội dung tại 10 dự án thành phần; tuy nhiên, chưa làm rõ các tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ cũng như cơ sở xác định các định mức chi/hỗ trợ như nêu tại</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			

² Tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc “*Tổ chức thẩm định, tổng hợp danh sách xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung danh sách các xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phù hợp tình hình thực tiễn*”.

<p>Báo cáo NCKT.</p> <p>Đề nghị Ủy ban Dân tộc xây dựng, hoàn thiện tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình như nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội để bổ sung, làm rõ căn cứ phân bổ các nguồn vốn của Chương trình. Trên cơ sở tiêu chí phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, xây dựng phương án phân bổ đối với từng dự án, nội dung thực hiện gắn với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để xây dựng trong Báo cáo NCKT, đảm bảo tính chính xác, khoa học, thống nhất, tạo thuận lợi trong triển khai hiệu quả, đồng bộ Chương trình.</p> <p>- Về dự kiến tổng mức vốn Chương trình: 157.212,03 tỷ đồng, Ngân sách Trung ương: 104.954,01 tỷ đồng (Vốn đầu tư: 50.629,16 tỷ đồng, Vốn sự nghiệp: 54.324,85 tỷ đồng). Ngân sách Địa phương: 6.866,58 tỷ đồng (Vốn đầu tư: 2.437,59 tỷ đồng, Vốn sự nghiệp: 4.428,99 tỷ đồng). Vốn tín dụng chính sách: 42.399,06 tỷ đồng. Vốn huy động khác: 2.992,38 tỷ đồng.</p> <p>Đề nghị làm rõ cơ sở nhu cầu nguồn vốn tín dụng (gần 42,4 nghìn tỷ đồng), cao hơn gấp đôi so với mức gần 20 nghìn tỷ đồng như tại Nghị quyết 120/2020/NQ14 của Quốc hội trên cơ sở thuyết minh rõ nhu cầu, khả năng cân đối, huy động, khả năng thực hiện thực tế trong bối cảnh đối tượng của Chương trình là đồng bào DTTS nghèo, vùng nghèo, đặc biệt khó khăn. Khả năng huy động nguồn vốn tín dụng đảm bảo cho thực hiện các nội dung đề xuất, cụ thể : (i) nguồn vốn phải cân đối và khả năng cân đối từ NSNN (bao gồm : NSTW, NSDP) để ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay theo nhiệm vụ của Chương trình ; (ii) nguồn vốn NHCSXH phải huy động và khả năng có thể huy động được. Tổng vốn này đã tăng so với tổng mức Quốc hội đã thông qua tại Nghị quyết 120/2020/QH14; cơ cấu nguồn vốn trong tổng mức có sự thay đổi, trong đó nguồn vốn NSDP giảm 32,45% ; nguồn vốn tín dụng tăng 115% so với cơ cấu và mức huy động đã được Quốc hội phê duyệt.</p> <p>- Dự kiến vốn đầu tư phát triển nguồn vốn NSTW là : 50.629,16 tỷ đồng. Theo báo cáo số 533/BC-CP ngày 17/10/2020, dự kiến bố trí vốn</p>				
--	--	--	--	--

	<p>cho Chương trình là 50.000 tỷ đồng. Do đó, đề nghị UBND rà soát, đảm bảo dự kiến vốn đầu tư phát triển NSTW phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.</p> <p>- Bổ sung các giải pháp huy động nguồn vốn của Chương trình như quy định tại Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>				
29.	<p>Về các giải pháp triển khai thực hiện Chương trình</p> <p>- Rà soát, hoàn chỉnh nội dung "Các giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình", theo đó các giải pháp cần cụ thể, gắn với đặc thù của Chương trình (trong Báo cáo NCKT, từ mục 7.a đến 7.g có nội dung trùng khớp với mục 7 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, chưa thể hiện tính đặc trưng gắn với đối tượng, phạm vi cụ thể của Chương trình).</p> <p>- Đối với nội dung tại mục 7.đ (cơ chế đặc thù thẩm định nguồn vốn, quy trình rút gọn, thực hiện phân cấp...): Đề nghị thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành liên quan về thẩm định nguồn vốn, quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>- Về điều hành, quản lý Chương trình: Đề nghị quy định theo hướng hình thành 01 Ban chỉ đạo đối với tất cả các Chương trình mục tiêu quốc gia với thành phần phù hợp để thống nhất quản lý, điều hành, không phát sinh thêm đầu mối và biên chế hành chính, đảm bảo quy định pháp luật về tổ chức, nội vụ.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
30.	<p>Trong từng dự án thành phần, việc thiết kế mục tiêu, hoạt động chưa có sự thống nhất về kết cấu, còn có sự trùng lặp về nội dung và chưa làm rõ được cơ sở tính toán một số định mức hỗ trợ trực tiếp.</p> <p>- Kết cấu xây dựng mục tiêu của từng dự án chưa có sự thống nhất: một số dự án có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể hoặc chỉ tiêu cụ thể (Dự án 2, Dự án 7, Dự án 8); hoặc chỉ có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (Dự án 1, Dự án 6); hoặc không xây dựng mục tiêu dự án thành phần, chỉ xây dựng mục tiêu của tiểu dự án trong dự án thành phần (Dự án 3, Dự án 4, Dự án 5, Dự án 9, Dự án 10). Trong dự án không xây dựng mục tiêu dự án, một số tiểu dự án chỉ xây dựng mục tiêu chung, không có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể hoặc còn nhầm lẫn giữa mục tiêu và định mức chỉ tiêu hoặc mục tiêu chỉ là chỉ tiêu hiện vật, chưa xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả</p>	Bộ KHĐT			

<p>đầu ra của tiểu dự án. Kết cấu mục tiêu chưa có sự thống nhất, xây dựng mục tiêu chưa cụ thể, rõ ràng và gắn với chỉ tiêu đo lường hiệu quả đầu ra của từng dự án, sẽ gây khó khăn cho công tác đánh giá kết quả đầu ra, ảnh hưởng đến khâu giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện.</p> <p>- Về nội dung hoạt động, còn trùng lặp giữa một số dự án thành phần với nhau hoặc trùng lặp với nhiệm vụ đầu tư, hoạt động thường xuyên theo ngành, lĩnh vực và do nhiều cơ quan điều hành thực hiện, nội dung đề xuất còn chung chung chưa làm rõ được hoạt động cụ thể cần thực hiện, như :</p> <p>(1) Trùng lặp nội dung giữa một số dự án thành phần : (i) hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất giữa dự án 1 và dự án 2 ; (ii) nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu giữa Dự án 2 và Dự án 4 ; (iii) nội dung hỗ trợ đào tạo nghề giữa Dự án 1, Dự án 3 và Dự án 5; (iv) nội dung tuyên truyền, đào tạo, hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình giữa các dự án (từ Dự án 1 đến dự án 9) và dự án 10 ; (v) nội dung thực hiện mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất giữa tiểu dự án 1 của Dự án 9, tiểu Dự án 2 của Dự án 8, tiểu dự án 2 và tiểu dự án 3 của Dự án 3. Việc trùng lặp về nội dung, được triển khai trên cùng phạm vi và do nhiều cơ quan trung ương chủ trì chỉ đạo thực hiện sẽ dẫn đến tình trạng phân tán nguồn lực, giảm hiệu quả đầu tư của Chương trình.</p> <p>(2) Tại Tiểu dự án 2 của Dự án 2 (trang 49 báo cáo) trích dẫn nội dung thực hiện Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 11/3/2020 nhưng chưa chỉ rõ nội dung cần thực hiện trong phạm vi Chương trình. Một số dự án trích dẫn nội dung cần thực hiện tại chính sách của ngành, lĩnh vực nhưng không chỉ rõ nội dung cần thực hiện ở phạm vi của Chương trình và gắn với mục tiêu của Chương trình (dự án 5, dự án 10). Điều này có thể dẫn tới sự chồng chéo, trùng lặp trong quá trình cân đối nguồn lực tổ chức thực hiện.</p> <p>(3) Trùng lặp với nhiệm vụ chi thường xuyên theo ngành, lĩnh vực, theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và nhiệm vụ đầu tư theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, như : tiền cấp hỗ trợ đất ở, đất sản xuất (dự án 1) ; hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, trồng rừng, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đảm bảo an</p>				
---	--	--	--	--

	<p>ninh lương thực (dự án 3) ; hỗ trợ xây dựng và vận hành Trung tâm ương tạo, hỗ trợ khởi nghiệp (dự án 3); hỗ trợ cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp (dự án 5) ; hỗ trợ nghệ nhân, nghệ sỹ ưu tú, hoạt động khảo sát, kiểm kê, đánh giá di tích văn hóa (dự án 6)....</p> <p>- Về xây dựng định mức hỗ trợ, tại một số dự án xây dựng định mức hỗ trợ cụ thể cho một hoạt động thực hiện nhưng chưa làm rõ được cơ sở xác định định mức, chưa có đánh giá, so sánh với định mức theo quy định hiện hành ; chưa làm rõ việc điều chỉnh định mức hỗ trợ vay tín dụng ưu đãi so với nội dung đã xây dựng tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Chính phủ trình Quốc hội (Báo cáo 249/BC-CP). Cụ thể : định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, xây dựng công trình nước sạch (dự án 1) ; định mức hỗ trợ cộng đồng bố trí dân xen ghép (dự án 2) ; định mức hỗ trợ cấp gạo, hỗ trợ tiền bảo vệ rừng, trồng rừng, hỗ trợ chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ tiếp cận vay vốn ngân hàng chính sách (dự án 3) ; định mức hỗ trợ đầu tư hệ thống trường dân tộc nội trú, hỗ trợ đào tạo nghề (dự án 5) ; định mức hỗ trợ tủ sách, xây dựng thiết chế văn hóa, trang thiết bị cho các đội cổ động văn hóa, in ấn các ấn phẩm văn hóa...</p> <p>- Đối với các mục tiêu dự án thành phần, nghiên cứu thống nhất kết cấu xây dựng mục tiêu dự án thành phần ; đồng thời, phải xác định các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể gắn trực tiếp với hoạt động của từng dự án ; các chỉ tiêu phải gắn với đo lường, đánh giá hiệu quả đầu ra của dự án.</p> <p>- Đối với nội dung hoạt động dự án thành phần, nghiên cứu : (1) thống nhất đầu mối thực hiện những nội dung trùng lặp giữa một số dự án thành phần để đảm bảo tính tổng thể, hiệu quả đầu tư ; tránh sự trùng chéo giữa các ngành trong thực hiện cùng một hoạt động, trên cùng địa bàn, cùng đối tượng ; (2) không đưa nội dung là nhiệm vụ đầu tư đã được cân đối đầu tư theo ngành, lĩnh vực hoặc những nội dung là nhiệm vụ thường xuyên theo quy định phân cấp vào nội dung hỗ trợ nguồn lực từ NSTWW trong phạm vi Chương trình.</p>				
31.	<p>- Về dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng , miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị : đề nghị nghiên cứu, cân nhắc sự cần thiết thực hiện Tiểu dự án 3 về phát triển kinh tế-xã hội-mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng DTTS&MN do mục tiêu của Tiểu dự án chưa gắn với mục tiêu chung của dự án 3,</p>	Bộ KHĐT			

	đặc biệt là các nội dung về cán bộ, chiến sỹ biên phòng nâng bước em tới trường.			
32.	Về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình Đề nghị bổ sung trong Báo cáo NCKT Bộ chỉ số theo dõi thực hiện để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình như quy định tại mục 1 Phụ lục II Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ (" <i>Xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trong đó gồm các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình và bộ chỉ số theo dõi thực hiện</i> ")	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
33.	- Rà soát, thuyết minh làm rõ sự phù hợp của nội dung các dự án thành phần của Chương trình với nguyên tắc " <i>đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất</i> " theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội. - Rà soát, làm rõ sự nhất quán, phù hợp giữa nội dung các dự án thành phần (bao gồm vốn hỗ trợ/đầu tư cho các hoạt động) nêu tại Báo cáo NCKT Chương trình với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình đã trình Quốc hội.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
34.	- Bổ sung phân tích, đánh giá, làm rõ những vấn đề cấp bách cần được giải quyết trong Chương trình (Báo cáo NCKT Chương trình có nội dung đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay; tuy nhiên, chưa làm nổi bật những vấn đề cấp bách cần giải quyết). - Theo đánh giá của Ủy ban dân tộc, hiện tồn tại nhiều chính sách liên quan vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đề nghị bổ sung nội dung rà soát các chính sách liên quan, đề xuất sửa đổi hoặc tích hợp, bãi bỏ theo hướng bảo đảm tính nhất quán, hiệu lực, hiệu quả của chính sách để thực hiện Chương trình. - Đề xuất nội dung, giải pháp lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ với các chương trình, dự án có nội dung và mục tiêu tương đồng, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả nguồn lực đầu tư. - Bổ sung phân tích, đánh giá mang tính định lượng về hiệu quả kinh tế -	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		

	xã hội của Chương trình (Báo cáo NCKT mới chỉ đánh giá chung về nguyên tắc, chưa làm rõ cơ sở, phương pháp tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội mang tính định lượng của Chương trình).			
35.	<ul style="list-style-type: none"> - Về tổ chức thực hiện : đề nghị rà soát, đề xuất chức năng nhiệm vụ của các bộ, cơ quan trung ương phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công. - Về đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội chung của Chương trình, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá theo quy định khoản 1 Điều 44 Luật Đầu tư công năm 2019. - Đề nghị bỏ nội dung Chính phủ đề nghị Quốc hội giao Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù do tại Nghị quyết 120/2020/QH14 Quốc hội đã giao Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào DTTS&MN. - Về cơ chế đặc thù : Theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2019, các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư. Do đó, đề nghị không quy định cơ chế đặc thù về thẩm định nguồn vốn và quyết định chủ trương đầu tư của các dự án thuộc Chương trình. 	Bộ KHĐT		
36.	<ul style="list-style-type: none"> - Về cơ chế điều chỉnh Chương trình: đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn. - Về khả năng lồng ghép, phối hợp với các chương trình khác : đề nghị có đánh giá cụ thể hơn về khả năng lồng ghép, phối hợp với các chương trình khác, đồng thời đề xuất các giải pháp để lồng ghép nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình. 	Bộ KHĐT		
37.	<ul style="list-style-type: none"> - Về trách nhiệm của UBND : đề nghị bổ sung trách nhiệm xây dựng tiêu chí, định mức, nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện Chương trình trong trung hạn và hàng năm ; xây dựng tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. - Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư : đề nghị xem xét lại nhiệm vụ “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định” do tại Luật Đầu tư công năm 2019 không quy định nội dung này. 	Bộ KHĐT		

38.	- Đề nghị xem xét bổ sung nhiệm vụ “Thành lập và tổ chức hoạt động quỹ từ thiện đồng hành với đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi” của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam theo Nghị quyết 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam			
39.	Đề nghị xem xét bổ sung NSTW giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ tỉnh Khánh Hoà theo Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	VPCP, UBND tỉnh Khánh Hoà			

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137/UBNDT-CSĐT ngày 07 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Hợp tác Quốc tế

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	+ Nội dung 3 Tiểu Dự án 2 Dự án 3: Đề nghị bỏ đối tượng “Người dân sinh sống và làm việc trong khu vực các xã đặc biệt khó khăn” do đối tượng này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Chương trình.	Ngân hàng Nhà nước			
5.	1. Dự thảo Quyết định: - Tại phần phân công thực hiện của Nội dung 3. Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 3 (trang 13). Đề nghị chi tiết phân phân công thực hiện để các đơn vị chủ động thực hiện nội dung được phân công chủ trì. Trong đó, đối với phần phân công thực hiện của Bộ Công thương đề nghị chi tiết như	Bộ Công thương			

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
	sau: “Bộ Công thương chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. Đồng thời rà soát, sửa đổi nội dung này tại cả Dự thảo Tờ trình, Quyết định, Báo cáo NCKT.				
6.	<p>Tại tiết 3.2.2 điểm c khoản 1 Mục I (Nội dung 2: Đầu tư vùng trồng dược liệu quý) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - NHCSXH đề nghị quy định thống nhất 1 mức lãi suất là 3,96%/năm và không quy định trong giai đoạn 2021-2025 Nhà nước hỗ trợ lãi suất 3%/năm. - Không quy định tổng mức vay không quá 45% tổng mức đầu tư dự án và không quá 96 tỷ đồng đối với dự án Vùng và 92 tỷ đồng đối với dự án. Vì trong dự thảo hiện nay, nội dung này cũng chưa rõ. Khái niệm “dự án Vùng trồng dược liệu quý” và “Dự án” chưa rõ ràng và vì sao đưa ra định mức đó ? Đề nghị xem xét lại nội dung này. 	Ngân hàng chính sách xã hội			
7.	<p>Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần phụ lục : Tại khoản 3 mục II Phụ lục I (trang 3) về nội dung “Phương pháp xác định định mức, đơn giá”, tại biểu tổng hợp, cột “Ghi chú” của Dự án 3 và Dự án 6 có vốn tín dụng chính sách, đề nghị bổ sung các nội dung quy định về <u>đối tượng, mục đích, mức vay</u> tại NHCSXH như Dự án 1 để có sự thống nhất trong thực hiện Chương trình. 	Ngân hàng chính sách xã hội			

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137 /UBND-CSĐT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Dân tộc thiểu số

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	- Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa tên một số dự án, tiêu dự án thành phần như sau : + Dự án 9 : Đầu tư tạo sinh kế <i>bền vững</i> , phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.	Bộ Ngoại giao			

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137 /UBND-CSĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Tuyên truyền

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	- Nhiệm vụ tuyên truyền từ nguồn kinh phí NSNN của Chương trình: Đề nghị có cơ chế đảm bảo tránh trùng lặp với các Chương trình, đề án khác.	Bộ Thông tin và Truyền thông			
5.	- Nội dung thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số: Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020 hết hiệu lực năm 2020. Vì vậy, đề nghị bổ sung “Thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số thực hiện theo Quyết định 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”.	Bộ Thông tin và Truyền thông			

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 138 /UBND-CSĐT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Học viện Dân tộc

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	Tiểu dự án 2 Dự án 5: Đề nghị bỏ đối tượng : Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các bộ, ngành trung ương, học sinh, sinh viên, cán bộ công chức, viên chức công tác trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi và trong các cơ quan công tác dân tộc do các đối tượng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương trình.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			

UỶ BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: *137* /UBDT-CSĐT ngày *07* tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Trung tâm Thông tin

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	<p>- Tại điểm a “Mục tiêu đến năm 2025” của Tiểu dự án 2, Dự án 10: Theo quy định về quản lý “đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông”, đề nghị không sử dụng cụm từ “đài truyền thanh công nghệ 4.0”.</p> <p>Bộ Thông tin và Truyền thông đã đề xuất nội dung phát triển, nâng cấp đài truyền thanh xã trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Do đó, đề nghị xem xét:</p> <p>+ Thống nhất phân định địa bàn phát triển đài truyền thanh xã của Chương trình MTQG đảm bảo</p>	Bộ Thông tin và Truyền thông			

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
	<p>cân đối nguồn vốn của các Chương trình cho mục tiêu phát triển mới, nâng cấp đài truyền thanh xã.</p> <p>+ Trường hợp nguồn vốn của Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 có thể cân đối kinh phí sự nghiệp cho nhu cầu phát triển các đài truyền thanh xã thuộc phạm vi của Chương trình thì Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Chương trình bố trí cho tất cả các xã cần thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã (vùng đồng bào DTTS&MN) và sẽ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất điều chỉnh giảm mục tiêu, quy mô nội dung nhiệm vụ này trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo tránh trùng lặp.</p> <p>+ Đề nghị thống nhất đầu mối cơ quan chủ trì quản lý nội dung phát triển đài truyền thanh xã là Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>				

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137 /UBND-CSĐT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Văn phòng Điều phối Chương trình 135

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	- Dự án 4: Tại trang 163 của Báo cáo NCKT (phần phụ lục) nêu: “Đối với hạng mục kiên cố hóa đường giao thôn đến trung tâm xã thực hiện dự án do UBND tỉnh/thành phố phê duyệt trên cơ sở thống nhất với cơ quan chủ trì Chương trình” đề nghị bổ sung thêm Bộ quản lý chuyên ngành và sửa thành “...trên cơ sở thống nhất với cơ quan chủ trì Chương trình và Bộ quản lý chuyên ngành”. Việc bổ sung thêm Bộ chuyên ngành sẽ tạo thuận lợi để Bộ GTVT nắm bắt thông tin, tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành; phối hợp với các địa phương để hoàn thành nhiệm vụ được giao	Bộ Giao thông tải			

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
	tại Nghị quyết 12/NQ-CP của Chính phủ và nhiệm vụ trong Báo cáo NCKT của Chương trình.				
5.	<p>- Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa tên một số dự án, tiêu dự án thành phần như sau :</p> <p>+ Dự án 4 : Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu <u>thích ứng với biến đổi khí hậu</u>, phục vụ sản xuất....</p>	Bộ Ngoại giao			
6.	Về dự án 4 : đề nghị nghiên cứu, cân nhắc việc đưa tiêu dự án 3 về đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp vào dự án thành phần khác do nội dung của Tiêu dự án 3 không gắn với nội dung của Dự án 4 về đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu.	Bộ KHĐT			
7.	Đề nghị rà soát lại địa bàn, đối tượng thụ hưởng Dự án 4 (Các thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Dự án 9: “Đầu tư phát triển nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù” thì không nằm trong diện đầu tư của Dự án 4) và Dự án 9, tránh trùng lặp đối tượng.				

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137 /UBND-CSĐT ngày 07 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Địa phương I

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				
4.	Đề nghị rà soát lại địa bàn, đối tượng thụ hưởng Dự án 4 và Dự án 9, tránh trùng lặp đối tượng				

ỦY BAN DÂN TỘC

Nội dung đề nghị tiếp thu và giải trình, làm rõ ý kiến góp ý hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Công văn số: 137 /UBND-CSĐT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị: Vụ Kế hoạch-Tài chính

TT	Nội dung góp ý, cần giải trình, làm rõ	Cơ quan góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình, làm rõ	Căn cứ giải trình, làm rõ	Ghi chú
1.	Căn cứ (nguồn số liệu) xác định số lượng đối tượng hỗ trợ/đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
2.	Cơ sở, căn cứ, phương pháp tính toán nhu cầu vốn đầu tư/hỗ trợ đối với từng hoạt động trong các dự án				
3.	Cơ sở xác định định mức chi cho các hoạt động/đối tượng/công trình				